

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1812/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 16 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình Khu tái định cư phục vụ di dân xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia (giai đoạn 1) để giải phóng mặt bằng xây dựng Khu công nghiệp luyện kim

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 3991/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Khu tái định cư phục vụ di dân xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia (giai đoạn 1) để giải phóng mặt bằng xây dựng Khu công nghiệp luyện kim;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2301/SXD-HĐXD ngày 08/5/2018 về Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Khu tái định cư phục vụ di dân xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia (giai đoạn 1) để giải phóng mặt bằng xây dựng Khu công nghiệp luyện kim; của UBND huyện Tĩnh Gia tại Tờ trình số 52/TTr-UBND ngày 27/4/2018 (kèm theo hồ sơ),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Khu tái định cư phục vụ di dân xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia (giai đoạn 1) để giải phóng mặt bằng xây dựng Khu công nghiệp luyện kim với những nội dung sau:

1. Tên công trình: Khu tái định cư phục vụ di dân xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia (giai đoạn 1) để giải phóng mặt bằng xây dựng Khu công nghiệp Luyện kim.

2. Thuộc dự án đầu tư xây dựng: Khu tái định cư phục vụ di dân xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia (giai đoạn 1) để giải phóng mặt bằng xây dựng Khu

công nghiệp Luyện kim.

3. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

4. Chủ đầu tư: UBND huyện Tĩnh Gia.

5. Địa điểm xây dựng: Xã Trúc Lâm và xã Xuân Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

6. Nhà thầu khảo sát, thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình: Công ty cổ phần Việt Thanh.

7. Quy mô và các giải pháp thiết kế chủ yếu:

a) Thiết kế san nền:

Trước mắt chỉ đầu tư đầy đủ phần hạ tầng kỹ thuật từ phạm vi tuyến đường trục chính theo quy hoạch phía Đông Khu TĐC - tuyến T2 về phía Quốc lộ 1A (phía Tây); phần diện tích còn lại để triển khai giai đoạn tiếp theo.

- Các lô đất trong phạm vi san nền có cao độ san nền thấp nhất là 2,96m, cao độ san nền cao nhất là 3,26m. Hướng dốc chung cho dự án theo hướng dốc từ Đông sang Tây và từ Bắc Xuống Nam.

- Khối lượng đào đắp nền các ô đất được tính theo phương pháp lưới ô vuông kích thước (10x10)m trên mặt bằng tỉ lệ 1/500; vật liệu san nền bằng đất đầm chặt K85. Đất đắp từ phần đáy đến cao độ cách cao độ hoàn thiện 1,0m mua đất từ mỏ để đắp; đất đắp từ cao độ hoàn thiện xuống 1,0m tận dụng đất đào xử lý nền đường để đắp (trừ phần diện tích bãi đỗ xe).

b) Thiết kế giao thông:

- Thiết kế mặt cắt ngang:

+ Tuyến G (mặt cắt 1-1): Chiều rộng nền đường $B_n=19,5\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m=7,5\text{m}$; chiều rộng hè đường $B_h=6,0\text{m}$ (x2).

+ Tuyến T1 (mặt cắt 2-2): Chiều rộng nền đường $B_n=22,5\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m=10,5\text{m}$; chiều rộng hè đường $B_h=6,0\text{m}$ (x2).

+ Tuyến T2 (mặt cắt 3-3): Chiều rộng nền đường $B_n=36,0\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m=10,5\text{m}\times 2$; chiều rộng dải phân cách $B_{pc}=3,0\text{m}$; chiều rộng hè đường $B_h=6,0\text{m}$ (x2).

+ Tuyến N1 đến N7 (mặt cắt 4-4): Chiều rộng nền đường $B_n=11,5\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m=5,5\text{m}$; chiều rộng hè đường $B_h=3,0\text{m}$ (x2).

- Thiết kế nền đường: Nền đường chủ yếu là đắp, đắp bằng đất đạt độ chặt K95. Độ dốc mái ta luy nền đắp thiết kế 1/1.5, lớp vật liệu dày 50cm dưới đáy kết cấu áo đường đắp bằng đất với độ chặt K98. Xử lý lớp đất yếu bằng đào thay đất yếu một phần và đắp trả bằng đất kết hợp với vải địa kỹ thuật, chiều sâu xử lý từ 1,5-2,5m đối với các tuyến G, T1, T2; đối với các tuyến nhánh nội bộ chiều

sâu xử lý đào thay đất từ 1,0-2,0m. Trước khi đắp phải trải 1 lớp vải địa ngăn cách và đắp trả lớp đầu tiên bằng vật liệu cát dày 0,5m đầm chặt K90, các lớp tiếp theo đắp bằng đất đầm chặt K95.

- Thiết kế mặt đường:

+ Tuyến G, tuyến T1 và tuyến T2: Sử dụng kết cấu mặt đường bê tông nhựa, $E_{yc} \geq 130 \text{Mpa}$, gồm các lớp: Lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm; tưới nhựa thấm bảm TCN 1kg/m^2 ; cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; cấp phối đá dăm loại II dày 30cm; đất nền K98 dày 50cm.

+ Tuyến N1 đến N7: Sử dụng kết cấu mặt đường bê tông nhựa, $E_{yc} \geq 100 \text{Mpa}$, gồm các lớp: Lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm; tưới nhựa thấm bảm TCN 1kg/m^2 ; cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; cấp phối đá dăm loại II dày 18cm; đất nền K98 dày 30cm.

+ Kết cấu sân bãi đỗ xe: Lớp bê tông M300 dày 20cm; 01 lớp ni lông tái sinh chống mất nước trên lớp cát tạo phẳng dày 3cm; lớp móng đá dăm tiêu chuẩn dày 15cm; nền đất đầm chặt K95 dày 70cm.

- Thiết kế bó vỉa, đan rãnh, vỉa hè, cây xanh:

+ Dọc hai bên đường sử dụng bó vỉa BTXM kích thước (26x23x100)cm tại các đoạn thẳng và (26x23x40)cm tại các đoạn cong; bó vỉa dải phân cách kích thước (26x45x100)cm tại các đoạn thẳng và (26x45x40)cm tại các đoạn cong. Đan rãnh BTXM kích thước (30x50x5)cm.

+ Vỉa hè lát bằng gạch block tự chèn dày 5,5cm, trên lớp cát đệm dày 5cm, nền đất đầm nén K95; khóa hè bằng bê tông M150 đổ tại chỗ, tiết diện (10x10)cm.

- Hồ trồng cây có kích thước (1,2x1,2)m bằng bê tông M200 đổ trực tiếp, có kích thước (12x20)cm chênh cao với mặt vỉa hè là 10cm. Khoảng cách trung bình 10m/hồ.

c) Hệ thống thoát nước:

- Hệ thống thoát nước mưa thiết kế theo nguyên tắc tự chảy, sử dụng cống tròn ly tâm BTCT D600 đến D1000 bố trí đi ngầm trên vỉa hè đối với các tuyến T1, T2 và đi ngầm dưới lòng đường đối với các tuyến còn lại. Nước mưa được thu gom vào hệ thống cống thoát nước rồi đầu nổi vào muong đào tạm có mặt cắt hình thang (1,0+4,0)x1,0m trước khi thoát ra sông Bạng.

- Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt thiết kế riêng với hệ thống thoát nước mưa theo nguyên tắc tự chảy, sử dụng cống tròn ly tâm BTCT D300 D400 bố trí đi ngầm trên vỉa hè dọc các tuyến đường giao thông. Nước thải được xử lý cục bộ tại các bể xử lý của hộ sau đó chảy theo hệ thống cống thoát nước thải và đầu nổi vào muong đào tạm.

d) Hệ thống cấp nước, phòng cháy chữa cháy:

- Nguồn cấp nước được lấy từ tuyến đường ống đã có D225 của Chi nhánh nước Tỉnh Gia thuộc Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa.

- Ống cấp nước sử dụng ống nhựa HDPE D63, D110 đi ngầm trong rãnh chôn ống, đoạn qua đường được lồng trong ống thép bảo vệ.

- Mạng lưới cấp nước thiết kế theo mạng lưới cụt, kết hợp cấp nước sinh hoạt và chữa cháy. Trên các tuyến ống cấp nước D110 bố trí họng cứu hỏa với khoảng cách không quá 120m/trụ.

e) Hệ thống cấp điện và điện chiếu sáng:

- Nguồn điện lấy từ đường dây trung áp 35kV lộ 376 trạm 110kV tại cột số 05 (nhánh rẽ Phú Lâm cũ) để cung cấp cho dự án.

- Trạm biến áp: Trên cơ sở tính toán công suất cấp điện và nhu cầu thực tế cấp điện, lựa chọn xây dựng 02 trạm biến áp công suất 400kVA và 560kVA. Vị trí đặt trạm đặt ở khu cây xanh.

- Mạng lưới hạ áp 0,4kV: Được đấu nối từ trạm biến áp xây dựng mới theo quy hoạch. Dây dẫn bằng cáp ngầm dọc theo các trục đường giao thông cấp tới các tủ điện phân phối của từng công trình được chôn ngầm đất, dây dẫn dùng cáp tiết diện 3x185+1x120mm² đến 3x25+1x16mm² tùy theo từng lộ cụ thể.

- Đèn chiếu sáng: Sử dụng cột thép tròn côn liền cần đơn 9m và 11m, độ vươn ngang 1,5m; chiếu sáng bằng đèn cao áp bóng Sodium công suất 250W-220V, khoảng cách giữa các đèn 20-30m/cột.

- Dây dẫn từ trạm biến áp cấp điện đến tủ điều khiển điện chiếu sáng dùng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC 3x25+1x16mm². Dây dẫn từ tủ điều khiển cấp điện đến hệ thống điện chiếu sáng dùng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC 3x25+1x16mm², những đoạn qua đường được luồn trong ống thép bảo vệ.

- An toàn cho hệ thống điện được thiết kế đồng bộ.

8. Giá trị dự toán xây dựng: 80.398.989.000 đồng; trong đó:

- Chi phí xây dựng:	64.387.639.427	đồng;
- Chi phí thiết bị:	5.346.325.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	1.130.958.114	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	4.202.382.455	đồng;
- Chi phí khác:	3.317.202.155	đồng;
- Chi phí dự phòng:	2.014.481.834	đồng.

9. Nguồn vốn và các nội dung khác: Theo Quyết định số 3991/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Khu tái định cư phục vụ di dân xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia (giai đoạn 1) để GPMB xây dựng Khu công nghiệp luyện kim.

Điều 2. Chủ tịch UBND huyện Tĩnh Gia (chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

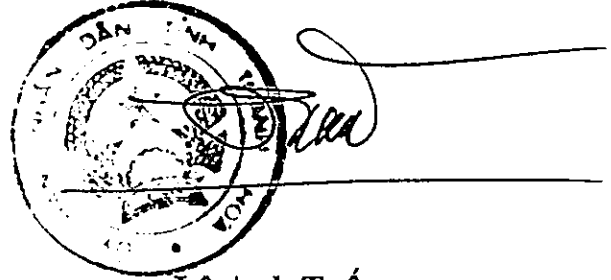
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Tĩnh Gia; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, QT, CN.(M5.4)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Anh Tuấn